

Số: /2026/QĐ-UBND Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 9817/TTr-STC ngày 18 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 gồm:

- Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng.
- Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.
- Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

- Tài sản kết cấu hạ tầng giao cho doanh nghiệp quản lý.
- Tài sản kết cấu hạ tầng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
- Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán,

chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

d) Tài sản đang giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo chế độ về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Tài sản công đang thực hiện quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản kết cấu hạ tầng đang thực hiện khai thác, quản lý theo các quy định khác.

3. Các phương thức khác trong quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành về hạ tầng và pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (*gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản*) gồm:

a) Cơ quan nhà nước (*sau đây gọi là cơ quan*).

b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội, tổ chức chính trị - xã hội (*sau đây gọi là tổ chức*).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi là đơn vị*).

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Quyết định này (*gọi chung là Bên khai thác*).

3. Tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Quyết định này (*gọi chung là Bên nhận nhượng quyền*).

4. Các đối tượng khác liên quan đến quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng* là việc Nhà nước (thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản) chuyển giao quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cho Bên khai thác thực hiện trong một thời hạn nhất định theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Bên khai thác có quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

2. *Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng* là việc Nhà nước (thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản) chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cho Bên khai thác theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Bên khai thác thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng

ký kết.

3. *Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng* (sau đây gọi là nhượng quyền khai thác) là việc Nhà nước (thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản) chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho tổ chức theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; được thu phí, giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

4. *Cơ quan quản lý cấp trên được hiểu là:*

a) Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc Thành phố (*đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố*) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đồng thời là đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố, cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân phường, xã đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của phường, xã.

5. *Sở quản lý chuyên ngành* được hiểu là Sở, cơ quan ngang Sở, tổ chức hành chính thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về hạ tầng.

6. Pháp luật chuyên ngành về hạ tầng quy định tại Quyết định này là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định về quy hoạch, quy mô, cấp, hạng, loại công trình, tuổi thọ công trình, quản lý vận hành, dịch vụ được cung cấp từ hạ tầng do các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để quy định áp dụng hoặc điều chỉnh cho loại hạ tầng đó.

#### **Điều 4. Nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản hiệu quả, đúng mục đích, công năng của tài sản, tiêu chuẩn, định mức (nếu có), chế độ; phòng, chống tham nhũng, trục lợi, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ; việc thực hiện các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Quyết định này không làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ thiết yếu của người dân; không làm phát sinh các rào cản bất hợp lý về giá, phí hoặc điều kiện tiếp cận với các nhóm yếu thế, người có công, đối tượng chính sách xã hội.

2. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Quyết định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không ảnh hưởng tới việc quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác đối với phần còn lại của tài sản, không làm ảnh hưởng tới tính liên tục, chất lượng của việc cung cấp sản

phẩm, dịch vụ công của tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Phải có Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng/cho thuê quyền khai thác/nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Quyết định này phê duyệt.

4. Trường hợp thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Quyết định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng là di tích thì việc khai thác phải đáp ứng các điều kiện của pháp luật về di sản văn hóa.

6. Không làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản kết cấu hạ tầng (trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng để phục vụ mục đích quản lý, khai thác; sau khi kết thúc hợp đồng khai thác, Bên khai thác hoặc Bên nhận nhượng quyền phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng (nếu có) lại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và không được bồi hoàn); không làm mất quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, quyền sở hữu về tài sản công.

7. Việc lựa chọn bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, thuê quyền khai thác, nhận nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phải được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch. Bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

8. Công khai thông tin và các cam kết của hợp đồng về chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác trong quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, trừ thông tin bí mật theo quy định của luật.

9. Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THU PHÍ SỬ DỤNG VÀ CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

#### **Điều 5. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phạm vi tài sản được chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng chỉ là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hiện có được thu phí sử dụng theo quy định của pháp luật (trừ phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí).

2. Việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng không

áp dụng đối với:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng mà không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.
- c) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp áp dụng phương thức nhượng quyền khai thác.
- d) Tài sản kết cấu hạ tầng mà trong quy định của Chính phủ, quy định của Luật Thủ đô (nếu có) về quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đó không có phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

3. Việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng, phù hợp với từng tài sản (hoặc một phần tài sản) kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng. Việc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng đồng thời chấm dứt thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này phê duyệt.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có nhu cầu thuê tư vấn lập Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ khai thác tài sản. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn để lập Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thẩm quyền phê duyệt Đề án (hoặc thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án) chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng:

- a) Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý.
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp xã quản lý và chỉ nằm trên địa bàn 01 phường, xã.
- c) Người đứng đầu Sở quản lý chuyên ngành phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp không thuộc điểm a và điểm b khoản này.

7. Nội dung sau đây về chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, cụ thể:

- a) Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án.
- b) Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án.
- c) Việc tổ chức thực hiện Đề án (xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá).
- d) Việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng.
- đ) Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng.
- e) Việc xử lý trong các trường hợp cụ thể (vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí theo hợp đồng; việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng; việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản trong thời hạn thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí phát sinh theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt).
- g) Các nội dung khác liên quan Đề án, tổ chức thực hiện Đề án hoặc phát sinh trong thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng không quy định tại Quyết định này.
- h) Riêng đối với các thẩm quyền quyết định tại các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng mà cơ quan, người có thẩm quyền quyết định được quy định là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thì thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Trường hợp Bên khai thác có nhu cầu cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng cho tài sản nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng để phục vụ mục đích quản lý, khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên khai thác thì phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này chấp thuận. Việc cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng cho tài sản phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành về hạ tầng, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Vật tư, vật liệu thu hồi (nếu có) từ tài sản kết cấu hạ tầng do Bên khai thác tự xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản không chấp thuận, Bên khai thác có trách nhiệm bàn giao vật tư, vật liệu thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản để xử lý theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng liên quan.

## **Điều 6. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hiện có.

2. Việc cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng mà không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.
- c) Tài sản kết cấu hạ tầng được thu phí sử dụng theo quy định của pháp luật.
- d) Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc trường hợp áp dụng phương thức nhượng quyền khai thác.
- đ) Tài sản kết cấu hạ tầng mà trong quy định của Chính phủ, quy định của Luật Thủ đô (nếu có) về quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đó không có phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản.

3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

4. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được xác định cụ thể trong từng hợp đồng cho thuê, phù hợp với từng tài sản (hoặc một phần tài sản) kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Việc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng cho thuê quyền khai thác đồng thời chấm dứt thời hạn cho thuê quyền khai thác.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này phê duyệt.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có nhu cầu thuê tư vấn lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ khai thác tài sản. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn để lập Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thẩm quyền phê duyệt Đề án (hoặc thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án) cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

- a) Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý.
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai

thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp xã quản lý và chỉ nằm trên địa bàn 01 phường, xã.

c) Người đứng đầu Sở quản lý chuyên ngành phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp không thuộc điểm a và điểm b khoản này.

7. Nội dung sau đây về cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, cụ thể:

- a) Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án.
- b) Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án.
- c) Việc tổ chức thực hiện Đề án (xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá).
- d) Việc ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác.
- đ) Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác.

e) Việc xử lý trong các trường hợp cụ thể (vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo hợp đồng; việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng; việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản trong thời hạn thực hiện hợp đồng cho thuê quyền khai thác phát sinh theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt).

g) Các nội dung khác liên quan Đề án, tổ chức thực hiện Đề án hoặc phát sinh trong thời gian thực hiện cho thuê quyền khai thác không quy định tại Quyết định này.

h) Riêng đối với các thẩm quyền quyết định tại các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng mà cơ quan, người có thẩm quyền quyết định được quy định là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thì thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Trường hợp Bên khai thác có nhu cầu cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng cho tài sản nhận thuê quyền khai thác để phục vụ mục đích quản lý, khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên khai thác thì phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này chấp thuận. Việc cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng cho tài sản phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành về hạ tầng, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Vật tư, vật liệu thu hồi (nếu có) từ tài sản kết cấu hạ tầng do Bên khai thác tự xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản không chấp thuận, Bên khai thác có trách nhiệm bàn giao vật tư,

vật liệu thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản để xử lý theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng liên quan.

### **Chương III**

## **NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **Điều 7. Việc áp dụng phương thức nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng được nhượng quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.

2. Việc nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng mà không phát sinh nguồn thu từ việc khai thác.

3. Việc nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

### **Điều 8. Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến Đề án nhượng quyền khai thác**

1. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này phê duyệt.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có nhu cầu thuê tư vấn lập Đề án nhượng quyền khai thác thì chi phí thuê tư vấn lập Đề án được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ khai thác tài sản. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn để lập Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đề án nhượng quyền khai thác phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản thực hiện công khai lấy ý kiến tham gia của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó trước khi hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này phê duyệt. Hình thức lấy ý kiến tham gia do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản quyết định. Thời hạn lấy ý kiến là tối thiểu 30 ngày trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án.

Trường hợp có nội dung giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản trong phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó khi thực hiện nhượng quyền khai thác thuộc nội dung Đề án quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm gửi cơ quan quản lý cấp trên

(nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến về phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác.

3. Nội dung chủ yếu của Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Sự cần thiết thực hiện nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (*cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn*).

b) Thông tin tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác (*tên tài sản kết cấu hạ tầng; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của tài sản kết cấu hạ tầng; yếu tố, giá trị quan trọng của tài sản kết cấu hạ tầng đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...*). Thông tin các tài sản khác gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có) bàn giao cùng tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác.

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mục đích sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi nhượng quyền khai thác.

đ) Thời hạn nhượng quyền khai thác.

e) Phương thức lựa chọn Bên nhận nhượng quyền khai thác: Đấu giá.

g) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá nhận nhượng quyền khai thác tài sản.

Tổ chức tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng (nếu có) và phải đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu của tổ chức tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

h) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành về hạ tầng có quy định về thời hạn thanh toán thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành về hạ tầng không có quy định về thời hạn thanh toán thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản đề xuất cụ thể thời hạn thanh toán nhưng tối đa là 12 tháng, số lần thanh toán tối đa là 03 lần.

i) Việc thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị nhượng quyền khai thác tài sản theo hợp đồng).

k) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng cùng cấp.

l) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản.

m) Dự kiến doanh thu, chi phí có liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng

quyền khai thác; số tiền nộp ngân sách nhà nước (nếu có).

n) Dự kiến phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản khi thực hiện nhượng quyền khai thác.

o) Việc xử lý tài sản và quyền khai thác khi kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (kể cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn).

p) Tổ chức thực hiện.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác, gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản: 01 bản chính.

b) Đề án nhượng quyền khai thác: 01 bản chính.

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính.

d) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án của cơ quan quản lý cấp trên (áp dụng trong trường hợp cơ quan quản lý cấp trên không phải là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án): 01 bản chính.

đ) Ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố về phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác (chỉ trong trường hợp Đề án có nội dung giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản): 01 bản sao.

e) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

### **Điều 9. Phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác**

1. Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác hoặc có ý kiến không thống nhất trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án (hoặc thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án) nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp xã quản lý và chỉ nằm trên địa bàn 01 phường, xã.

c) Người đứng đầu Sở quản lý chuyên ngành phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong các trường hợp còn lại, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

d) Trường hợp Đề án nhượng quyền khai thác có nội dung giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản mà cơ quan, tổ chức, đơn vị đó là đơn vị dự toán

cấp I trực thuộc Thành phố, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án là pháp nhân do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án trong trường hợp này đồng thời kế thừa trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị bị giải thể quy định tại Quyết định này kể từ thời điểm có Quyết định giải thể của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Nội dung chủ yếu Quyết định phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác:

a) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng.

b) Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác (*tên tài sản kết cấu hạ tầng; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của tài sản kết cấu hạ tầng; yếu tố, giá trị quan trọng của tài sản kết cấu hạ tầng đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...*). Danh mục các tài sản khác gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng (*nếu có*) bàn giao cùng tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác.

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mục đích sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi nhượng quyền khai thác.

đ) Thời hạn nhượng quyền khai thác.

e) Phương thức lựa chọn Bên nhận nhượng quyền khai thác: Đấu giá.

g) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá nhận nhượng quyền khai thác tài sản.

h) Thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác tài sản.

i) Việc ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị nhượng quyền khai thác tài sản theo hợp đồng).

k) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ nhượng quyền khai thác tài sản.

l) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng cùng cấp.

m) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản.

n) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Quyết định phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác (*kèm theo Đề án*) phải được công khai, niêm yết tại trụ sở làm việc, Trang thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản (*nếu có*), của cơ quan quản lý cấp trên.

### **Điều 10. Thời hạn nhượng quyền khai thác**

1. Thời hạn nhượng quyền khai thác được xác định cụ thể trong từng hợp đồng phù hợp với từng tài sản kết cấu hạ tầng và được quy định tại Quyết định phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác. Việc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng nhượng

quyền khai thác đồng thời chấm dứt thời hạn nhượng quyền khai thác.

2. Căn cứ thời hạn nhượng quyền khai thác, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản (Bên nhượng quyền khai thác) và Bên nhận nhượng quyền khai thác xác định cụ thể thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc nhượng quyền khai thác và được quy định trong hợp đồng nhượng quyền khai thác.

### **Điều 11. Thời hạn tổ chức thực hiện đấu giá nhượng quyền khai thác**

1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quyết định phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác có hiệu lực, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện xác định, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác theo quy định tại Điều 12 Quyết định này.

b) Tổ chức đấu giá lựa chọn Bên nhận nhượng quyền khai thác theo quy định tại Điều 13 Quyết định này.

c) Thông báo công khai kết quả đấu giá nhượng quyền khai thác trên Trang thông tin của mình, cơ quan quản lý cấp trên và theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản phải lập lại Đề án nhượng quyền khai thác báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quyết định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định này.

### **Điều 12. Giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là khoản tiền tổ chức nhận nhượng quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo hợp đồng ký kết.

2. Giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do Bên nhận nhượng quyền khai thác tài sản phải bỏ ra để thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian nhượng quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng thẩm định giá quy định tại khoản 4 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư

thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Xác định giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá nhượng quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền; đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết). Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định giá khởi điểm nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều này, lập 01 bộ hồ sơ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá của cơ quan quản lý cấp trên (áp dụng trong trường hợp cơ quan quản lý cấp trên không phải là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

### **Điều 13. Đấu giá nhượng quyền khai thác**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

2. Tổ chức tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng (nếu có) và phải đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu của tổ chức tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp đấu giá nhượng quyền khai thác nhưng không thành thì sau

hai lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản rà soát nguyên nhân, xem xét, quyết định tiếp tục hoặc dừng thực hiện đấu giá.

Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm nhượng quyền khai thác cao và không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều 12 Quyết định này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định, phê duyệt lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quyết định này. Trường hợp dừng thực hiện đấu giá mà cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn nhu cầu nhượng quyền khai thác, việc lập, phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác và tổ chức thực hiện đấu giá nhượng quyền khai thác được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Quyết định này.

#### **Điều 14. Hợp đồng nhượng quyền khai thác tài sản**

1. Căn cứ kết quả đấu giá nhượng quyền khai thác, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản (Bên nhượng quyền) và tổ chức trúng đấu giá (Bên nhận nhượng quyền) ký hợp đồng nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và Phụ lục hợp đồng (nếu có).

2. Hợp đồng nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên nhượng quyền.

b) Thông tin của Bên nhận nhượng quyền.

c) Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác (*tên tài sản kết cấu hạ tầng; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của tài sản kết cấu hạ tầng; yếu tố, giá trị quan trọng của tài sản kết cấu hạ tầng đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...*). Danh mục các tài sản khác gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có) bàn giao cùng tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác.

d) Mục đích sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi nhượng quyền khai thác.

đ) Thời hạn nhượng quyền khai thác. Thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc nhượng quyền khai thác.

e) Giá trị hợp đồng (*theo giá trúng đấu giá*).

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

h) Tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (*ngoài giá trị nhượng quyền theo hợp đồng*):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị nhượng quyền của toàn bộ thời hạn nhượng quyền

theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận nhượng quyền khai thác gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn nhượng quyền khai thác;

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận nhượng quyền khai thác phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên nhượng quyền khai thác), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự;

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận nhượng quyền khai thác (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên nhượng quyền khai thác).

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn, thời điểm Bên nhượng quyền bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận nhượng quyền; thời hạn, thời điểm Bên nhận nhượng quyền bàn giao lại quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cho Bên nhượng quyền.

l) Điều chỉnh hợp đồng: Các trường hợp được phép điều chỉnh nội dung, giá trị của hợp đồng và việc xử lý vấn đề liên quan.

m) Chấm dứt hợp đồng: Ngoài chấm dứt hợp đồng theo thời hạn, quy định các trường hợp có thể dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (*theo thỏa thuận, do đơn phương chấm dứt, do vi phạm, tranh chấp hợp đồng, theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền và các trường hợp khác*).

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng và các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn khác (*trừ trường hợp quy định tại điểm p khoản này*) theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận nhượng quyền phải thực hiện nếu Bên nhận nhượng quyền vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên nhượng quyền.

p) Xử lý trường hợp bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn nhượng quyền khai thác.

q) Điều khoản khác: Theo thỏa thuận giữa các bên.

3. Hợp đồng nhượng quyền khai thác đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (*nếu có*) được gửi cho cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

### **Điều 15. Xử lý trong một số trường hợp đặc biệt**

1. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 21 Quyết định này và hợp đồng đã ký kết.

2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn nhượng quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên phải thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, giá trị nhượng quyền khai thác đã nộp cho khoảng thời gian còn lại theo hợp đồng, Bên nhận nhượng quyền được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền nhượng quyền khai thác đã nộp cho khoảng thời gian còn lại (*nếu có*) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 14 Quyết định này. Việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận nhượng quyền (*nếu có*) do Bên nhượng quyền chủ trì, phối hợp với Bên nhận nhượng quyền xác định, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này xem xét, quyết định hoàn trả. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 21 Quyết định này.

Kinh phí hoàn trả được bố trí như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được lấy từ nguồn Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để hoàn trả. Số tiền còn thiếu (*nếu có*), được bố trí từ ngân sách nhà nước để hoàn trả nhưng tối đa không vượt 50% giá trị nhượng quyền khai thác Bên nhận nhượng quyền đã nộp cho khoảng thời gian còn lại theo hợp đồng. Trình tự, thủ tục bố trí dự toán và hoàn trả từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với cơ quan, tổ chức được bố trí từ ngân sách nhà nước để hoàn trả. Trình tự, thủ tục bố trí dự toán và hoàn trả từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **Điều 16. Cơ chế tài chính khi thực hiện nhượng quyền khai thác**

1. Bên nhận nhượng quyền khai thác tài sản được quyết định mức thu bảo đảm bù đắp đủ chi phí và có tích lũy hợp lý (*đối với các dịch vụ không thuộc trường hợp giá sử dụng dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá*) hoặc thu tiền dịch vụ theo mức giá quy định của Nhà nước (*đối với các dịch vụ thuộc trường hợp giá sử dụng dịch vụ do Nhà nước định giá theo*

*quy định của pháp luật về giá*). Bên nhận nhượng quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính khi thực hiện nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng của Bên nhượng quyền thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18 và 19 Quyết định này.

### **Điều 17. Doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác**

Số tiền khai thác tài sản theo giá trị hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (*nếu có*) đã ký kết và số tiền nộp phạt hợp đồng (*nếu có*) được xác định là doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác của Bên nhượng quyền.

### **Điều 18. Chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác**

1. Chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác của Bên nhượng quyền bao gồm:

a) Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

b) Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác.

c) Chi phí duy tu, bảo trì, bảo quản, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng trong thời gian tổ chức lựa chọn Bên nhận nhượng quyền.

d) Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng nhượng quyền khai thác gồm nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

đ) Các chi phí hợp lý khác có liên quan.

2. Dự toán chi phí, thanh toán chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác do bộ phận chuyên môn thuộc Bên nhượng quyền lập, trình Thủ trưởng Bên nhượng quyền phê duyệt.

3. Căn cứ lập dự toán và thanh toán chi phí:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng Bên nhượng quyền quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Người đứng đầu Bên nhượng quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác quy định tại Điều này.

**Điều 19. Xử lý số tiền thu được từ tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác**

1. Doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác quy định tại Điều 17 Quyết định này, sau khi trừ đi chi phí có liên quan quy định tại Điều 18 Quyết định này, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước như sau:

a) Nộp ngân sách cấp Thành phố đối với các khoản thu từ nhượng quyền khai thác tài sản thuộc cấp Thành phố quản lý.

b) Nộp ngân sách cấp xã đối với các khoản thu từ nhượng quyền khai thác tài sản thuộc cấp xã quản lý.

2. Bên nhận nhượng quyền thực hiện thanh toán tiền theo thời hạn quy định tại hợp đồng cho Bên nhượng quyền vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi Bên nhượng quyền mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu và 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo theo quy định tại hợp đồng, Bên nhượng quyền thực hiện nộp số tiền còn lại (sau khi trừ đi chi phí có liên quan quy định tại Điều 18 Quyết định này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Người đứng đầu Bên nhượng quyền chịu trách nhiệm trong việc xác định và nộp số tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại Điều này.

4. Trường hợp doanh thu nhỏ hơn chi phí, Bên nhượng quyền phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ngân sách nhà nước không cấp bù.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 20. Quyền và trách nhiệm của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền**

1. Quyền của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền:

a) Tổ chức thực hiện khai thác, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác, vận hành, quản lý và duy tu, bảo trì, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng cho tài sản nhận

chuyển nhượng quyền thu phí, thuê quyền khai thác bằng nguồn kinh phí của Bên khai thác để phục vụ mục đích quản lý, khai thác, nếu được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 5 và khoản 6 Điều 6 Quyết định này chấp thuận. Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên khai thác phải chuyển giao nguyên trạng tài sản bao gồm cả hạng mục công trình đã được cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng (nếu có) lại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và không được bồi hoàn.

đ) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan (chỉ áp dụng đối với phương thức nhượng quyền khai thác).

e) Được thế chấp tài sản do Bên nhận nhượng quyền đầu tư và quyền khai thác tài sản của thời gian còn lại cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan (chỉ áp dụng đối với phương thức nhượng quyền khai thác).

g) Được thu phí sử dụng tài sản (nếu có), thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng và các khoản thu từ cung cấp dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

h) Các quyền khác của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

## 2. Trách nhiệm của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền:

a) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (chỉ áp dụng đối với phương thức nhượng quyền khai thác tài sản).

b) Bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng được khai thác (*bao gồm cả đất, mặt nước gắn tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản khác được bàn giao cùng tài sản kết cấu hạ tầng*); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng và pháp luật có liên quan.

Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đúng công năng của tài sản, mục đích; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, cầm cố, thế chấp nghĩa vụ bằng tài sản kết cấu hạ tầng được khai thác. Khi cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản cần sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ được giao thì phải được Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền ưu tiên bố trí sử dụng nhưng vẫn đảm bảo

hài hòa lợi ích theo thỏa thuận giữa các bên.

d) Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật bằng nguồn kinh phí của mình.

Vật tư, vật liệu thu hồi (nếu có) từ tài sản kết cấu hạ tầng do Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền tự xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản không chấp thuận, Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm bàn giao vật tư, vật liệu thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản để xử lý theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng liên quan.

đ) Thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản; trường hợp quá thời hạn thanh toán mà Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt quy định hợp đồng tại điểm này bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp (số tiền chậm thanh toán), thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền được thanh toán đầy đủ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản theo hợp đồng ký kết.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được quy định cụ thể tại hợp đồng.

e) Hàng năm theo thời hạn yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản, có báo cáo tình hình thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản; cùng cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản giải quyết các vướng mắc phát sinh.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về tình trạng của tài sản kết cấu hạ tầng, bảo đảm hoạt động bình thường của tài sản.

i) Tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng (hoặc thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn), Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm:

Chuyển giao lại quyền thu phí sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng (hoặc thời hạn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn), kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản kết cấu hạ tầng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản thực hiện kiểm kê,

xác định tình trạng sử dụng của tài sản kết cấu hạ tầng; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản kết cấu hạ tầng được lập thành biên bản;

Thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng để khắc phục các hư hại của tài sản kết cấu hạ tầng phát hiện khi kiểm kê (nếu có);

Đền bù bằng hiện vật tương đương hoặc bằng tiền đối với các tài sản khác được bàn giao cùng với tài sản kết cấu hạ tầng được phát hiện khi kiểm kê bị mất, hủy hoại trong thời gian hợp đồng;

Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền chuyển nhượng quyền thu phí, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác và Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác theo quy định của pháp luật về dân sự;

Thực hiện bàn giao lại tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản theo đúng quy định, bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành tài sản bình thường, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng ký kết;

Xử lý tiền ký quỹ, bảo lãnh ngân hàng theo quy định.

k) Thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định tại Quyết định này và pháp luật liên quan.

### **Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản**

1. Chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với việc đưa tài sản kết cấu hạ tầng vào khai thác; hiệu quả của hoạt động khai thác; trách nhiệm giải trình đối với việc khai thác tài sản.

2. Kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác được phê duyệt của Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền và chịu sự thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát hoặc cơ quan, đơn vị liên quan quy định tại Điều 22 Quyết định này, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật; kịp thời xử lý, khắc phục các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vướng mắc theo quy định của pháp luật.

Trường hợp qua thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát phát hiện việc khai thác vi phạm quy định tại Quyết định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát hoặc cơ quan, đơn vị liên quan quy định tại Điều 22 Quyết định này có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản xử lý, khắc phục các vi phạm, đảm bảo phù hợp với quy định tại Quyết định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có văn bản yêu cầu. Hết thời hạn nêu trên mà cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản chưa hoàn thành xử lý, khắc phục các vi phạm, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Chấm dứt việc thực hiện khai thác tài sản. Trường hợp hợp đồng đã ký kết, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm chấm dứt trước thời hạn hợp đồng để quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định này.

b) Thực hiện nộp toàn bộ số tiền thu được từ hoạt động khai thác tài sản không đúng quy định vào ngân sách nhà nước.

c) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo hợp đồng (*hoặc thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn*), cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành về hạ tầng và pháp luật liên quan kể từ thời điểm Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền phải bàn giao lại quyền thu phí sử dụng, quyền khai thác theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 20 Quyết định này.

b) Kế thừa trách nhiệm thực hiện duy tu, bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng kể từ thời điểm Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền chuyển giao lại quyền thu phí, quyền khai thác theo quy định tại điểm a khoản này (*trừ khoảng thời gian Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền phải sửa chữa, bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng để khắc phục các hư hại theo quy định*).

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với phần diện tích cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng trong quá trình khai thác do Bên khai thác thực hiện.

4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Thành phố, cơ quan quản lý cấp trên nếu để xảy ra vi phạm gây hủy hoại, hư hỏng, mất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng.

5. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, thực hiện báo cáo kết quả thực hiện Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác cho cơ quan quản lý cấp trên. Nội dung chủ yếu của kết quả thực hiện gồm: Thực trạng tài sản kết cấu hạ tầng khai thác; Việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản và Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền trong quá trình khai thác; Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản; Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quá trình khai thác tài sản và kiến nghị, đề xuất (*nếu có*).

6. Định kỳ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện Đề án (*gồm các chỉ tiêu:*

*danh mục tài sản kết cấu hạ tầng; Bên khai thác, Bên nhận nhượng quyền; thời hạn, thời điểm khai thác tài sản; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ tổ chức thực hiện khai thác tài sản...*) theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản (nếu có). Thời hạn công khai là 30 ngày.

7. Khi thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm bổ sung nội dung kết quả thực hiện Đề án vào nội dung báo cáo. Nội dung chủ yếu của kết quả thực hiện như quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định tại Quyết định này và pháp luật liên quan.

## **Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khác có liên quan**

1. Cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản, việc cải tạo, nâng cấp, đầu tư thêm, bổ sung công năng do Bên khai thác thực hiện, việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng do Bên nhận nhượng quyền thực hiện để kịp thời chỉ đạo, yêu cầu xử lý theo quy định.

b) Khi thực hiện tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổng hợp bổ sung kết quả thực hiện Đề án vào nội dung báo cáo gửi Sở Tài chính.

c) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành kiểm tra tình hình thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính kiểm tra tình hình thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thông qua báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thanh tra Thành phố thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm tài sản kết cấu hạ tầng) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thanh tra theo quy định.

## **Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Quyết

định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của hợp đồng ký kết.

#### **Điều 24. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 24;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CM;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và CDS;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đại Thắng**